

Số: 1304./QĐ - YDHP

Hải Phòng, ngày 08 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng kỳ II năm học 2020-2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ – TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ – TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 28/VBHN-BGDDĐT năm 2014 hợp nhất Quyết định về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong trường chuyên, trường năng khiếu, cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ – CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 1204/QĐ – YDHP ngày 18/10/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc quy định mức học bổng khuyến khích học tập;

Căn cứ kết quả học tập và điểm rèn luyện học kỳ II năm học 2020-2021 của sinh viên các khóa trong toàn trường;

Theo đề nghị của Ông trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp học bổng kỳ II năm học 2020 - 2021 cho **449** sinh viên hệ chính quy các khóa với mức học bổng như sau:

- $950.000\text{đ}/\text{tháng} \times 233\text{SV} \times 5 \text{ tháng} = 1.106.750.000\text{đ}$
- $1.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 11 \text{ SV} \times 5 \text{ tháng} = 55.000.000\text{đ}$
- $1.100.000\text{đ}/\text{tháng} \times 205 \text{ SV} \times 5 \text{ tháng} = 1.127.500.000\text{đ}$

Tổng cộng:

2.289.250.000đ

(Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm tám mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng./.)

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2: Thời gian cấp 5 tháng kể từ tháng 8/2021 đến tháng 1/2022;



Điều 3: Các Ông (Bà): Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, các lớp sinh viên và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu :HCTH; ĐTĐH; TCKT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG

Đợt: HKII Năm học 2020-2021

(Theo Quyết định số: 1804/QĐ-YDHP ngày 08 tháng 10 năm 2021....)

Số tháng hưởng học bổng: 5 tháng

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
1	2017	1754010009	Trần Ngọc Dung	17/08/1999	Được 6 (A)	18	8.61	82	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
2	2017	1754010069	Phạm Hà Phương	28/07/1999	Được 6 (A)	18	8.24	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
3	2017	1754010048	Ngô Thị Linh	25/06/1999	Được 6 (B)	18	8.21	83	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
4	2017	1754010090	Nguyễn Thị Thúy	17/08/1999	Được 6 (B)	18	8.13	83	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
5	2017	1754010012	Lê Thị Thuý	2/2/1999	Được 6 (A)	18	8.11	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
6	2017	1754010079	Nguyễn Thị Linh	20/09/1999	Được 6 (A)	18	8.1	76	Khá 2	5,000,000		Học bổng khuyến khích học tập
7	2017	1754010011	Trần Thị Ánh	9/9/1999	Được 6 (A)	18	8.1	75	Khá 2	5,000,000		Học bổng khuyến khích học tập
8	2017	1754010098	Hoàng Minh Tuấn	30/01/1999	Được 6 (B)	18	8.06	86	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
9	2017	1754010050	Vũ Thị Thùy	6/10/1999	Được 6 (A)	18	8	77	Khá 2	5,000,000		Học bổng khuyến khích học tập
10	2017	1754010058	Hoàng Bảo Ngọc	29/04/1999	Được 6 (A)	18	7.96	75	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
11	2017	1754010064	Nguyễn Thị Tuyết	3/3/1999	Được 6 (A)	18	7.96	75	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
12	2018	1852010001	Phùng Tú Anh	21/04/2000	Được 7 (B)	16	8.71	85	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
13	2018	1852010009	Kiều Thúy Cẩm	28/05/2000	Được 7 (A)	16	8.23	80	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
14	2018	1852010104	Vũ Thị Vân	26/06/2000	Được 7 (B)	16	8.19	83	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
15	2018	1852010082	Nguyễn Thị Thảo	19/08/2000	Được 7 (B)	16	8.18	85	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
16	2018	1852010004	Vũ Thị Mai Anh	2/8/2000	Được 7 (A)	16	8.18	77	Khá 2	5,000,000		Học bổng khuyến khích học tập
17	2018	1852010069	Đàm Thị Thanh Nhân	21/12/2000	Được 7 (B)	16	8.16	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
18	2018	1852010032	Vũ Huy Hoàng	29/11/2000	Được 7 (A)	16	8.12	80	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
19	2018	1852010007	Phạm Quốc Anh	12/7/2000	Được 7 (B)	16	8.04	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
20	2018	1852010106	Phạm Thị Hồng Vân	23/02/2000	Được 7 (A)	16	7.93	77	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
21	2018	1852010024	Nguyễn Minh Hằng	7/12/2000	Được 7 (B)	16	7.89	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
22	2018	1852010078	Ngô Thị	Quỳnh	9/2/2000	Được 7 (B)	16	7.88	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
23	2018	1852010101	Đào Thị	Tuyết	25/08/2000	Được 7 (A)	16	7.87	77	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
24	2019	1952010028	ĐÀO NGỌC YẾN	XUÂN	18/01/2001	D.K8.A	17	8.29	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
25	2019	1952010075	PHẠM VĂN	TÚ	14/09/2001	D.K8.B	17	8.2	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
26	2019	1952010030	NGUYỄN THỊ	PHUƠNG	6/3/2001	D.K8.B	17	7.95	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
27	2019	1952010021	PHẠM THỊ KHÁNH	HUYỀN	3/9/2001	D.K8.A	17	7.9	86	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
28	2019	1952010015	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	28/05/2001	D.K8.B	17	7.89	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
29	2019	1952010107	NGUYỄN LAN	ANH	23/12/2001	D.K8.A	17	7.74	90	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
30	2019	1952010106	PHAN PHƯƠNG	MAI	9/8/2001	D.K8.A	17	7.69	86	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
31	2019	1952010093	ĐÀO THÙY	DUƠNG	27/09/2001	D.K8.B	17	7.61	83	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
32	2019	1952010085	HOÀNG THỊ HẠNH	TRANG	19/12/2001	D.K8.A	17	7.56	86	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
33	2019	1952010006	PHẠM THỊ	THẢO	1/10/2001	D.K8.A	17	7.56	84	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
34	2019	1952010003	Vi Thị	Xuân	29/01/2000	D.K8.B	17	7.44	83	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
35	2019	1952010050	BÙI THỊ	DUNG	5/2/2001	D.K8.B	17	7.38	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
36	2019	1952010046	BÙI THỊ THANH	THÙY	14/11/2001	D.K8.A	17	7.35	84	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
37	2020	2052010010	Nguyễn Thị	Duyên	2/6/2002	D.K9.A	17	8.09	76	Khá 2	5,000,000		Học bổng khuyến khích học tập
38	2020	2052010140	Nguyễn Thị	Thu	25/11/2002	D.K9.A	17	7.88	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
39	2020	2052010107	Vũ Trần Lam	Phương	6/6/2002	D.K9.A	17	7.88	76	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
40	2020	2052010074	Trần Thị	Thùy	17/09/2002	D.K9.A	17	7.78	76	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
41	2020	2052010080	Bùi Thị Thùy	Linh	3/8/2002	D.K9.B	17	7.72	84	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
42	2020	2052010100	Cao Huyền Hoàng	Giang	26/10/2002	D.K9.A	17	7.65	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
43	2020	2052010088	Lê Thị Huyền	Trang	18/08/2002	D.K9.A	17	7.59	75	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
44	2020	2052010105	Phạm Tuyết	Nhung	16/04/2002	D.K9.B	17	7.59	75	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
45	2020	2052010113	Đào Thị	Giang	19/08/2002	D.K9.A	17	7.55	73	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
46	2020	2052010073	Đỗ Thùy	Linh	29/09/2001	D.K9.B	17	7.54	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
47	2020	2052010043	Lưu Khánh Linh	27/11/2002	D.K9.A	17	7.52	74	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
48	2020	2052010102	Phạm Thu Hà	2/10/2002	D.K9.A	17	7.44	73	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
49	2020	2052010086	Trần Thị Mai Lan	6/5/2002	D.K9.A	17	7.41	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
50	2020	2052010163	Lê Việt Hà	11/4/2002	D.K9.B	17	7.41	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
51	2020	2052010065	Đặng Linh Chi	16/04/2002	D.K9.A	17	7.41	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
52	2020	2052010148	Vũ Thị Thanh Thu	1/7/2002	D.K9.B	17	7.36	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
53	2020	2052010008	Đặng Thị Lan	8/3/2002	D.K9.A	17	7.36	74	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
54	2020	2052010030	Trần Thị Hương Giang	9/12/2002	D.K9.B	17	7.34	85	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
55	2020	2052010059	Nguyễn Thúy Hường	25/01/2001	D.K9.A	17	7.32	76	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
56	2019	1950000050	PHẠM THỊ MINH HIỀN	18/09/2001	ĐDCQ.K15A	22	8.28	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
57	2019	1950000035	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	19/11/2001	ĐDCQ.K15B	22	08.05	93	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
58	2019	1950000093	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	28/08/2001	ĐDCQ.K15B	22	08.01	89	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
59	2019	1950000081	LÊ PHƯƠNG THẢO	25/09/2001	ĐDCQ.K15B	22	7.96	84	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
60	2019	1950000064	TRẦN THỊ DIU	04/12/2001	ĐDCQ.K15A	22	7.88	85	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
61	2019	1950000037	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	25/07/2001	ĐDCQ.K15B	22	7.87	90	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
62	2019	1950000036	HOÀNG THU TRANG	24/07/2001	ĐDCQ.K15B	22	7.86	93	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
63	2019	1950000110	NGÔ THỊ BIÊN	08/05/2001	ĐDCQ.K15A	22	7.83	85	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
64	2019	1950000009	NGÔ THỊ NGÂN	20/09/2001	ĐDCQ.K15B	22	7.81	90	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
65	2019	1950000011	HOÀNG THỊ MỸ LINH	19/12/2000	ĐDCQ.K15A	22	7.79	85	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
66	2019	1950000059	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	02/03/2001	ĐDCQ.K15B	22	7.75	90	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
67	2019	1950000080	PHẠM THỊ HỒNG NHÂM	12/01/2001	ĐDCQ.K15B	22	7.74	90	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
68	2019	1950000085	NGUYỄN VĂN CHIẾN	10/5/2001	ĐDCQ.K15A	22	7.74	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
69	2020	2050000018	Đinh Thị Huệ	25/10/2002	ĐDCQ.K16D	12	7.38	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
70	2020	2050000185	Vũ Tiến Hoàng	13/09/2002	ĐDCQ.K16D	12	7.21	77	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
71	2020	2050000002	Nguyễn Thị Hồng Vân	20/09/2002	ĐDCQ.K16D	12	7.18	72	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
72	2017	1751010265	Ma Diệp Linh	15/09/1998	YDK.39C	14	8.52	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
73	2017	1751010017	Đào Thị Minh Anh	05/10/1998	YDK.39A	14	8.49	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
74	2017	1751010501	Đỗ Thị Thu Vân	31/07/1999	YDK.39F	16	8.45	94	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
75	2017	1751010599	Phan Thục Anh	04/10/1999	YDK.39I	16	8.45	90	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
76	2017	1751010361	Trần Thị Phương	12/08/1999	YDK.39D	14	8.45	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
77	2017	1751010276	Dương Thị Kim Loan	30/06/1999	YDK.39D	14	8.39	90	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
78	2017	1751010341	Nguyễn Long Nhật	14/02/1999	YDK.39C	14	8.39	86	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
79	2017	1751010483	Nguyễn Thị Thanh Tuấn	25/01/1999	YDK.39A	14	8.38	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
80	2017	1751010467	Ngô Thu Trang	17/04/1999	YDK.39A	14	8.36	78	Khá 2	5,000,000		Học bổng khuyến khích học tập
81	2017	1751010029	Trần Đức Anh	14/08/1999	YDK.39A	14	8.31	98	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
82	2017	1751010061	Lê Ngọc Thu Cúc	08/12/1999	YDK.39D	14	8.27	91	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
83	2017	1751010462	Thân Thị Trang	20/03/1999	YDK.39G	16	8.25	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
84	2017	1751010273	Nguyễn Khánh Linh	22/03/1999	YDK.39C	14	8.24	80	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
85	2017	1751010429	Trịnh Thị Thu	13/08/1999	YDK.39E	16	8.23	98	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
86	2017	1751010284	Hà Tuấn Long	16/07/1999	YDK.39A	14	8.23	96	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
87	2017	1751010375	Phùng Anh Quân	29/10/1999	YDK.39K	16	8.22	91	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
88	2017	1751010432	Kiều Anh Thư	07/08/1999	YDK.39A	14	8.21	83	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
89	2017	1751010526	Trần Thị Yến	01/07/1999	YDK.39A	14	8.21	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
90	2017	1751010124	Lê Thị Thu Hà	20/05/1999	YDK.39F	21	8.2	85	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
91	2017	1751010328	Nguyễn Thị Ngọc	08/06/1999	YDK.39D	14	8.19	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
92	2017	1751010463	Ngô Minh Trang	02/02/1999	YDK.39A	14	8.18	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
93	2017	1751010382	Nguyễn Thị Sen	18/01/1999	YDK.39D	14	8.17	90	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
94	2017	1751010228	Trần Thị Thanh Huyền	13/08/1999	YDK.39I	16	8.17	83	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
95	2017	1751010245	Nguyễn Thị Lệ	12/01/1998	YDK.39C	14	8.17	82	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
96	2017	1751010010	Đinh Diệp Anh	17/07/1999	YDK.39A	14	8.14	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
97	2017	1751010366	Nguyễn Thu Phương	20/04/1998	YDK.39C	14	8.13	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
98	2017	1751010192	Trần Thị Bích Huệ	08/04/1997	YDK.39F	16	8.11	94	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
99	2017	1751010166	Trần Văn Hiếu	27/07/1999	YDK.39D	14	8.11	91	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
100	2017	1751010404	Trần Xuân Thành	09/03/1999	YDK.39C	14	8.11	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
101	2017	1751010119	Vũ Thị Hà	20/12/1999	YDK.39D	14	8.11	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
102	2017	1751010268	Bùi Thị Nhật Linh	24/10/1999	YDK.39C	14	8.11	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
103	2017	1751010040	Hoàng Ngọc Ánh	15/03/1999	YDK.39B	14	08.09	86	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
104	2017	1751010383	Nguyễn Văn Sơn	13/01/1999	YDK.39I	16	08.09	85	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
105	2017	1751010495	Vũ Thị Tố Uyên	07/10/1998	YDK.39A	14	08.09	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
106	2017	1751010287	Nguyễn Diệu Ly	27/05/1999	YDK.39A	14	08.06	86	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
107	2017	1751010208	Phạm Thuý Hường	20/10/1999	YDK.39I	16	08.06	85	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
108	2017	1751010044	Trần Diệu Ánh	18/01/1999	YDK.39A	14	08.06	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
109	2017	1751010074	Nguyễn Thu Dung	25/06/1999	YDK.39E	16	08.05	93	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
110	2017	1751010473	Vũ Văn Trung	22/03/1998	YDK.39I	16	08.05	93	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
111	2017	1751010155	Lê Trung Hiếu	09/11/1999	YDK.39B	14	08.05	90	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
112	2017	1751010449	Phạm Văn Tiến	06/08/1998	YDK.39I	16	08.04	85	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
113	2017	1751010152	Phạm Thị Thu Hiền	20/11/1999	YDK.39I	16	08.04	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
114	2017	1751010465	Trần Mai Trang	18/11/1999	YDK.39C	14	08.04	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
115	2017	1751010005	Phạm Quỳnh Anh	29/03/1999	YDK.39A	14	08.04	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
116	2017	1751010133	Nguyễn Thu Hằng	26/11/1999	YDK.39G	16	08.02	90	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
117	2017	1751010025	Nguyễn Thị Vân Anh	17/08/1999	YDK.39D	14	08.01	90	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
118	2017	1751010489	Hoàng Thị Tươi	29/10/1998	YDK.39E	16	7.99	88	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
119	2017	1751010128	Nguyễn Phương Hải	30/10/1999	YDK.39A	14	7.99	83	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
120	2017	1751010391	Phạm Thị Thanh Tâm	02/04/1999	YDK.39C	14	7.99	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
121	2017	1751010365	Bùi Thị Anh Phương	01/10/1999	YDK.39D	14	7.98	86	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
122	2017	1751010258	Trần Thị Chi	Linh	26/12/1999	YDK.39G	16	7.98	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
123	2017	1751010163	Nguyễn Trung	Hiếu	19/04/1999	YDK.39B	14	7.96	96	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
124	2017	1751010512	Nguyễn Văn	Việt	31/10/1999	YDK.39E	16	7.96	96	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
125	2017	1751010359	Lê Thị Linh	Phương	26/09/1999	YDK.39K	16	7.96	90	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
126	2017	1751010289	Hoàng Thảo	Ly	19/11/1999	YDK.39I	16	7.96	85	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
127	2018	1851010543	Nguyễn Quang	Trung	5/2/2000	YDK.40G	14	8.66	92	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
128	2018	1851010081	Nguyễn Thị	Diễm	12/4/2000	YDK.40D	17	8.49	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
129	2018	1851010155	Đỗ Văn	Hải	17/04/2000	YDK.40C	17	8.46	96	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
130	2018	1851010569	Điền Đức	Văn	27/05/2000	YDK.40B	17	8.46	96	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
131	2018	1851010332	Lưu Ngọc	Mai	9/7/2000	YDK.40I	14	8.4	93	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
132	2018	1851010575	Nguyễn Thị	Vân	8/11/2000	YDK.40B	17	8.39	90	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
133	2018	1851010593	Phạm Hoàng	Yến	8/8/2000	YDK.40H	14	8.37	90	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
134	2018	1851010997	Đỗ Anh	Tuấn	22/04/2000	YDK.40K	14	8.36	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
135	2018	1851010130	Lê Thị Hương	Giang	18/04/2000	YDK.40E	17	8.35	95	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
136	2018	1851010350	Huỳnh Văn	Nam	16/06/1999	YDK.40A	17	8.32	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
137	2018	1851010288	Phạm Thị Kiều	Linh	13/03/2000	YDK.40H	14	8.3	90	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
138	2018	1851010253	Nguyễn Ngọc	Huyền	2/1/2000	YDK.40G	14	8.3	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
139	2018	1851010188	Trần Thị	Hoa	31/05/2000	YDK.40G	14	8.3	82	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
140	2018	1851010052	Lê Thị Mây	Anh	31/03/2000	YDK.40G	14	8.29	96	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
141	2018	1851010072	Nguyễn Thị	Chinh	8/3/2000	YDK.40C	17	8.28	90	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
142	2018	1851010441	Tạ Trọng	Sơn	15/08/1999	YDK.40B	17	8.27	96	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
143	2018	1851010066	Nguyễn Thị Kim	Chi	15/12/2000	YDK.40D	17	8.27	92	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
144	2018	1851010425	Vũ Bá	Quý	11/11/2000	YDK.40G	14	8.27	86	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
145	2018	1851010530	Dương Thùy	Trang	23/04/2000	YDK.40C	17	8.26	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
146	2018	1851010533	Lê Thu	Trang	26/02/2000	YDK.40E	17	8.26	86	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
147	2018	1851010211	Đỗ Thị Huế	13/09/1999	YDK.40G	14	8.26	85	Giỏi 1	5.500,000		Học bổng khuyến khích học tập
148	2018	1851010221	Bùi Hải Hưng	1/7/2000	YDK.40D	17	8.25	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
149	2018	1851010169	Mai Minh Hằng	19/10/2000	YDK.40B	17	8.24	93	Giỏi 1	5.500,000		Học bổng khuyến khích học tập
150	2018	1851010228	Nguyễn Lan Hương	31/03/2000	YDK.40E	17	8.24	91	Giỏi 1	5.500,000		Học bổng khuyến khích học tập
151	2018	1751010066	Phạm Trung Cường	18/09/1999	YDK.40G	14	8.23	85	Giỏi 1	5.500,000		Học bổng khuyến khích học tập
152	2018	1851010589	Lại Văn Yên	8/4/2000	YDK.40C	17	8.23	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
153	2018	1851010446	Đặng Văn Thái	1/5/2000	YDK.40H	14	8.23	80	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
154	2018	1851010172	Ngô Thị Hạnh	22/09/2000	YDK.40G	14	8.23	85	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
155	2018	1851010241	Trần Thị Thu Hường	16/11/2000	YDK.40F	14	8.21	86	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
156	2018	1851010176	Đỗ Thị Thu Hiền	10/9/2000	YDK.40H	14	8.21	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
157	2018	1851010229	Nguyễn Thị Thanh Hương	22/01/1999	YDK.40E	17	8.19	90	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
158	2018	1851010256	Phạm Minh Huyền	30/12/2000	YDK.40D	17	8.18	94	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
159	2018	1851010138	Nguyễn Thị Ngọc Hà	19/05/2000	YDK.40I	14	8.17	84	Giỏi 1	5.500,000		Học bổng khuyến khích học tập
160	2018	1851010259	Phan Thị Huyền	8/3/1999	YDK.40F	14	8.16	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
161	2018	1751010223	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	10/2/1999	YDK.40D	17	8.15	84	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
162	2018	1851010456	Hồ Thị Phương Thanh	26/12/2000	YDK.40F	14	8.14	86	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
163	2018	1851010270	Nguyễn Đức Khải	19/03/2000	YDK.40K	14	8.13	91	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
164	2018	1851010106	Trần Thị Duyên	17/05/2000	YDK.40D	17	8.13	81	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
165	2018	1851010142	Phạm Thị Thu Hà	16/09/2000	YDK.40B	17	8.11	90	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
166	2018	1851010420	Dương Thị Thu Phương	3/7/2000	YDK.40B	17	8.1	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
167	2018	1851010290	Chu Thị Ngọc Linh	16/04/2000	YDK.40I	14	8.1	85	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
168	2018	1851010302	Trần Thị Mỹ Linh	10/9/1999	YDK.40K	14	8.1	81	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
169	2018	1851010445	Nguyễn Khắc Thà	18/06/2000	YDK.40G	14	8.1	86	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
170	2018	1851010588	Vũ Thị Xuân	1/2/2000	YDK.40G	14	8.1	87	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
171	2018	1851010438	Nguyễn Văn Sơn	7/2/2000	YDK.40G	14	8.09	89	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
172	2018	1851010567	Nguyễn Thu	Uyên	4/10/2000	YDK.40A	17	8.08	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
173	2018	1851010180	Đồng Thị	Hiền	28/12/2000	YDK.40C	17	8.08	85	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
174	2018	1851010311	Lưu Thị Minh	Loan	26/09/2000	YDK.40H	14	8.07	83	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
175	2018	1851010314	Bồ Anh	Lộc	13/12/1999	YDK.40G	14	8.07	83	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
176	2018	1851010231	Đỗ Thị Thu	Hương	19/04/2000	YDK.40D	17	8.06	96	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
177	2018	1851010149	Nguyễn Hữu	Hà	8/1/2000	YDK.40G	14	8.06	89	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
178	2018	1851010307	Lê Thị Hoàng	Linh	12/10/2000	YDK.40B	17	8.06	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
179	2018	1851010044	Bùi Hoàng	Anh	5/12/2000	YDK.40A	17	8.05	93	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
180	2018	1851010161	Phạm Thị Thu	Hằng	25/07/2000	YDK.40A	17	8.05	93	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
181	2018	1851010173	Nguyễn Thị	Hạnh	4/10/1999	YDK.40E	17	8.05	93	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
182	2018	1851010591	Hoàng Thị Ngọc	Yến	7/1/2000	YDK.40B	17	8.05	91	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
183	2018	1851010328	Sầm Thị	Lý	23/05/1999	YDK.40C	17	8.04	90	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
184	2018	1851010011	Đỗ Thuý	Anh	21/04/2000	YDK.40F	14	8.04	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
185	2018	1851010385	Phạm Vy Lâm	Như	21/12/2000	YDK.40K	14	8.04	83	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
186	2018	1851010501	Lê Minh	Thúy	1/11/2000	YDK.40D	17	8.04	89	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
187	2018	1851010539	Nguyễn Thu	Trang	5/7/2000	YDK.40A	17	8.03	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
188	2018	1851010001	Đàm Trường	An	8/1/2000	YDK.40I	14	8.03	83	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
189	2018	1851010062	Nguyễn Thị	Bích	7/1/2000	YDK.40A	17	8.03	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
190	2019	1951010455	ĐẶNG THỊ	GIANG	7/6/2001	K41 F	15	8.34	86	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
191	2019	1951010470	VŨ DUY	HUÏNG	25/05/2001	K41 I	15	8.31	93	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
192	2019	1951010334	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	26/07/2001	K41 E	15	8.25	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
193	2019	1951010037	TRỊNH BÁ	MẠNH	27/09/2001	K41 H	15	8.25	80	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
194	2019	1951010434	TRẦN THỊ	LINH	18/10/2000	K41 I	15	8.23	91	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
195	2019	1951010388	LẠI THỊ HÀ	CHÂU	27/11/2001	K41 B	15	8.21	85	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
196	2019	1951010148	ĐỖ THỊ MINH	DOAN	24/07/1998	K41 C	15	8.21	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
197	2019	1951010093	LÊ THỊ THU PHƯƠNG	15/10/2001	K41 I	15	8.19	90	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
198	2019	1951010375	CAO MỸ DUYÊN	23/10/2001	K41 B	15	8.15	90	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
199	2019	1951010362	NGÔ THỊ THÙY TRANG	13/02/2001	K41 D	15	8.12	93	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
200	2019	1951010201	NGÔ THỊ ĐỨC HẠNH	5/6/2001	K41 B	15	8.11	86	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
201	2019	1951010372	TẠ BÍCH LIÊN	27/02/2001	K41 B	15	8.11	81	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
202	2019	1951010238	CAO THANH HOA	22/01/2001	K41 H	15	8.05	80	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
203	2019	1951010494	VŨ HUY MINH	27/06/2001	K41 E	15	8.04	91	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
204	2019	1951010013	NGUYỄN THỊ HOÀI	17/06/2001	K41 K	15	8.04	81	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
205	2019	1951010243	BÙI THỊ LAN	28/02/2001	K41 C	15	8.01	88	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
206	2019	1951010136	NGUYỄN THỊ HUYỀN	14/06/2001	K41 C	15	8	85	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
207	2019	1951010529	ĐỖ TRỌNG QUÝ	7/8/2001	K41 A	15	7.95	84	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
208	2019	1951010402	NGUYỄN THU HIỀN	28/04/2001	K41 D	15	7.94	81	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
209	2019	1951010406	PHẠM TUẤN MINH	22/11/2001	K41 C	15	7.94	80	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
210	2019	1951010413	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	21/03/2001	K41 B	15	7.93	80	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
211	2019	1951010463	ĐÀO THỊ LINH	26/10/2001	K41 B	15	7.92	84	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
212	2019	1951010150	PHAN THỊ MỸ HẠNH	14/10/2001	K41 I	15	7.91	88	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
213	2019	1951010468	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	28/08/2001	K41 B	15	7.91	81	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
214	2019	1951010018	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	25/12/2001	K41 A	15	7.91	80	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
215	2019	1951010331	NGUYỄN THỊ XUYỀN	1/3/2001	K41 C	15	7.9	84	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
216	2019	1951010543	NGUYỄN THỊ LINH HƯƠNG	26/09/2001	K41 C	15	7.89	90	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
217	2019	1951010433	NGUYỄN THUỶ TRANG	4/6/2001	K41 G	15	7.89	85	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
218	2019	1951010386	ĐÀM ĐỨC LONG	18/10/2001	K41 E	15	7.89	84	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
219	2019	1951010398	TRẦN KHÁNH LINH	3/6/2001	K41 C	15	7.87	89	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
220	2019	1951010528	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	14/06/2001	K41 B	15	7.87	83	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
221	2019	1951010216	LƯƠNG TÚ ANH	21/10/2001	K41 H	15	7.87	80	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
222	2019	1951010121	LUU THI VY	17/12/2001	K41 G	15	7.86	86	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
223	2019	1951010184	TRAN THI THANH THAO	12/10/2001	K41 B	15	7.86	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
224	2019	1951010245	PHAM LINH CHI	11/7/2001	K41 C	15	7.86	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
225	2019	1951010556	NGUYEN THI HONG	4/8/2001	K41 G	15	7.85	88	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
226	2019	1951010160	VU NHU QUYNH	14/12/2001	K41 K	15	7.85	87	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
227	2019	1951010514	NGUYEN QUANG HAN	17/04/2001	K41 D	15	7.85	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
228	2019	1951010564	LE DIEM QUYNH	19/12/2001	K41 B	15	7.85	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
229	2019	1951010305	PHAM THUY TRANG	27/01/2001	K41 G	15	7.84	88	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
230	2019	1951010534	ĐANG MINH HOANG	9/8/2001	K41 I	15	7.84	83	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
231	2019	1951010189	NGUYEN THI TRANG	8/10/2001	K41 E	15	7.83	86	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
232	2019	1951010389	NGUYEN PHUONG THAO	9/7/2001	K41 E	15	7.83	83	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
233	2019	1951010317	ĐONG THI THU HIEN	24/10/2001	K41 D	15	7.82	83	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
234	2019	1951010475	NGUYEN THI KHANH HUYEN	12/11/2000	K41 I	15	7.81	91	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
235	2019	1951010513	LE DUY PHUOC	25/12/2001	K41 C	15	7.8	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
236	2019	1951010262	NGO HONG NU	30/06/2001	K41 F	15	7.79	87	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
237	2019	1951010145	NGO THI TRANG	1/12/2001	K41 B	15	7.79	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
238	2019	1951010315	NGUYEN PHUONG THAM	5/9/2001	K41 B	15	7.79	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
239	2019	1951010132	LE KHANH HUYEN	27/11/2001	K41 K	15	7.78	94	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
240	2019	1951010183	NGUYEN DAC TUNG DUONG	5/7/2001	K41 A	15	7.78	76	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
241	2019	1951010488	NGUYEN VAN LAP	24/09/2001	K41 E	15	7.77	87	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
242	2019	1951010229	NGUYEN THI THUY HONG	14/07/2001	K41 A	15	7.77	84	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
243	2019	1951010456	DO THI LIU	30/06/2001	K41 D	15	7.76	84	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
244	2019	1951010338	NGUYEN THI KIM THUY	16/01/2001	K41 G	15	7.75	87	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
245	2019	1951010344	TRUONG DIU LINH	7/11/2001	K41 A	15	7.75	85	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
246	2019	1951010118	HOANG THI THU	9/8/2001	K41 D	15	7.75	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
247	2019	1951010414	NGUYỄN THỊ LỆ THÚY	3/10/2001	K41 H	15	7.73	92	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
248	2019	1951010356	NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG	10/7/2001	K41 F	15	7.73	77	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
249	2019	1951010324	NGUYỄN THỊ KHẢ TÚ	23/01/2001	K41 B	15	7.72	85	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
250	2019	1951010505	NGUYỄN HOÀNG ANH	7/9/2001	K41 I	15	7.72	81	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
251	2019	1951010351	HOÀNG MINH ĐỨC	27/11/2001	K41 H	15	7.72	80	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
252	2019	1951010428	QUÁCH THỊ CẨM TÚ	21/08/2001	K41 G	15	7.72	80	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
253	2019	1951010206	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	9/2/2001	K41 B	15	7.72	78	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
254	2019	1951010221	KHÚC THỊ NHUNG	14/05/2001	K41 H	15	7.72	75	Khá I	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
255	2016	1651010009	PHẠM VIỆT ANH	18/07/1998	YDK.38A	17	8.64	86	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
256	2016	1651010351	VI THU THÙY	27/06/1998	YDK.38A	17	8.6	85	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
257	2016	1551010076	PHAN CHÍ DŨNG	03/05/1997	YDK.38A	17	8.59	86	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
258	2016	1651010206	ĐÀO THỊ THÙY LINH	10/03/1998	YDK.38A	17	8.53	86	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
259	2016	1551010435	TRẦN THỊ TRANG	22/08/1997	YDK.38B	17	8.49	86	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
260	2016	1651010300	NGUYỄN THỊ PHUƠNG	11/05/1998	YDK.38A	17	8.48	86	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
261	2016	1651010137	NGUYỄN ĐÌNH HIỆU	01/06/1998	YDK.38A	17	8.48	85	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
262	2016	1651010376	HOÀNG HUYỀN TRANG	16/08/1997	YDK.38B	17	8.48	85	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
263	2016	1651010261	NGUYỄN MỸ NGỌC	29/08/1998	YDK.38F	17	8.48	82	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
264	2016	1651010063	PHAN THỊ DUNG	02/02/1997	YDK.38A	17	8.45	86	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
265	2016	1651010363	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRÂM	22/07/1998	YDK.38A	17	8.43	86	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
266	2016	1651010008	LÊ NGỌC ANH	24/09/1997	YDK.38A	17	8.42	85	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
267	2016	1651010031	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	21/08/1998	YDK.38A	17	8.4	87	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
268	2016	1651010226	PHẠM THỊ L.Y	16/06/1998	YDK.38A	17	8.4	86	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
269	2016	1651010344	HỒ THỊ THU	09/05/1998	YDK.38A	17	8.4	85	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
270	2016	1651010150	NGUYỄN THỊ HUỆ	22/03/1998	YDK.38A	17	8.39	88	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
271	2016	1651010119	NGÔ THU HẠNH	19/05/1998	YDK.38B	17	8.37	85	Giỏi I	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
272	2016	1651010379	NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	25/06/1997	YDK.38B	17	8.37	85	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
273	2016	1651010022	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	10/07/1998	YDK.38B	17	8.36	86	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
274	2016	1651010023	VŨ LAN ANH	22/11/1998	YDK.38B	17	8.36	86	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
275	2016	1651010386	BÙI VIỆT TUẦN	30/05/1998	YDK.38B	17	8.36	86	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
276	2016	1651010014	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	27/12/1998	YDK.38E	15	8.35	89	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
277	2016	1651010394	PHẠM THỊ BÍCH VÂN	12/04/1997	YDK.38B	17	8.35	88	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
278	2016	1651010183	Lò Minh Kiên	13/02/1997	YDK.38B	17	8.35	85	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
279	2016	1651010204	TRẦN THỊ MỸ LINH	20/03/1998	YDK.38F	15	8.35	82	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
280	2016	1651010104	NGUYỄN THỊ HÀ	25/02/1998	YDK.38B	17	8.34	90	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
281	2016	1651010207	NGUYỄN THỊ LINH	25/07/1998	YDK.38A	17	8.34	85	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
282	2016	1651010155	NGUYỄN MẠNH HÙNG	23/01/1998	YDK.38A	17	8.32	86	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
283	2016	1651010112	ĐỖ THỊ THÚY HẰNG	25/03/1998	YDK.38D	16	8.31	91	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
284	2016	1651010301	PHẠM BÌNH QUÂN	24/02/1997	YDK.38A	17	8.31	85	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
285	2016	1651010212	NGUYỄN DIỆU LINH	06/02/1998	YDK.38B	17	8.29	86	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
286	2016	1651010329	ĐOÀN THỊ THU THẢO	02/01/1998	YDK.38E	15	8.29	83	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
287	2016	1651010196	Đặng Thị Hương	01/02/1997	YDK.38A	17	8.28	86	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
288	2016	1651010081	Hoàng Đình Đạt	20/09/1997	YDK.38B	17	8.28	85	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
289	2016	1651010316	NGUYỄN THỊ THẨM	20/03/1998	YDK.38B	17	8.27	86	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
290	2016	1651010245	PHẠM THỊ THÚY NGÀ	20/07/1998	YDK.38F	17	8.27	83	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
291	2016	1651010186	VŨ TÙNG LÂM	10/12/1998	YDK.38B	17	8.26	92	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
292	2016	1651010367	NGUYỄN THỦY TRANG	20/03/1998	YDK.38D	16	8.26	90	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
293	2016	1651010070	Bùi Văn Dương	20/10/1997	YDK.38B	17	8.26	85	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
294	2016	1651010251	NGUYỄN THỊ NGÂN	30/08/1997	YDK.38A	17	8.26	85	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
295	2019	1956010007	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	04/11/2001	XNYHK11	18	7.66	82	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
296	2019	1956010026	NGUYỄN MẠNH CẨM	20/05/2001	XNYHK11	18	7.35	78	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
297	2019	1956010018	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	06/09/2001	XNYHK11	18	7.33	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
298	2019	1956010049	NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN	08/01/2001	XNYHK11	18	7.27	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
299	2019	1956010060	NGUYỄN THỊ NHÀI	11/05/2000	XNYHK11	18	7.50	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
300	2019	1956010050	NGUYỄN HUY THẮNG	06/03/2001	XNYHK11	18	7.48	73	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
301	2019	1956010013	NGUYỄN QUÝ THÀNH	19/05/2001	XNYHK11	18	7.96	75	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
302	2019	1856010073	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	14/10/2000	XNYHK11	18	7.43	79	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
303	2020	2055010046	Nguyễn Văn Hiệp	25/09/2000	RHM.K12	17	7.81	84	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
304	2020	2055010063	Nguyễn Hà Trang	12/6/2002	RHM.K12	17	7.52	88	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
305	2020	2055010043	Phan Thị Trà Giang	15/12/2002	RHM.K12	17	7.46	84	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
306	2020	2055010036	Nguyễn Thúc Hà Giang	2/6/2001	RHM.K12	17	7.38	85	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
307	2020	2055010037	Phạm Thị Thu Hoài	16/03/2001	RHM.K12	17	7.25	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
308	2020	2055010062	Phạm Thị Thu Hà	8/1/2002	RHM.K12	17	7.22	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
309	2020	2055010011	Nguyễn Thị Nhung	30/06/2002	RHM.K12	17	7.13	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
310	2020	2055010029	Vũ Thị Phương Thảo	28/08/2002	RHM.K12	17	7.09	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
311	2020	2055010038	Nguyễn Đức Trung	7/12/2002	RHM.K12	17	7.01	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
312	2020	2055010016	Đặng Thị Thùy Dương	7/9/2002	RHM.K12	17	7	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
313	2019	1955010025	NGUYỄN THỊ THU TRANG	7/7/2001	RHMK11	14	7.64	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
314	2019	1955010034	BÙI BẢO TRUNG	27/10/1997	RHMK11	14	7.54	96	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
315	2019	1955010012	TRƯƠNG THỊ KIỀU TRANG	12/8/2001	RHMK11	14	7.47	84	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
316	2019	1955010070	HOÀNG THỊ NHUNG	8/6/2001	RHMK11	14	7.41	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
317	2019	1955010029	NGUYỄN THỊ HOA	8/12/2001	RHMK11	14	7.37	86	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
318	2019	1955010075	ĐOÌ HOÀNG THIÊN LÝ	30/11/2001	RHMK11	14	7.37	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
319	2019	1955010050	PHẠM THỊ TRANG	12/2/2001	RHMK11	14	7.36	86	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
320	2019	1955010084	NGÔ KIỀU LY	12/12/2000	RHMK11	14	7.34	86	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
321	2019	1955010013	LÊ THỊ HẢI YẾN	1/9/2001	RHMK11	14	7.34	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
322	2019	1955010023	LÊ THỊ THU	HÀ	18/05/2001	RHMK11	14	7.19	84	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
323	2018	1855010001	Phạm Thị Vân	Anh	5/10/2000	RHM.K10	16	8.41	81	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
324	2018	1855010073	Trịnh Thị	Tuyền	14/01/2000	RHM.K10	16	8.35	96	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
325	2018	1855010033	Khúc Thị	Huyền	26/10/2000	RHM.K10	16	8.26	86	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
326	2018	1855010057	Nguyễn Thu	Thảo	8/6/2000	RHM.K10	16	8.18	79	Khá 2	5,000,000		Học bổng khuyến khích học tập
327	2018	1855010008	Tạ Thị Ngọc	Anh	2/8/2000	RHM.K10	16	8.08	82	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
328	2018	1855010007	Lê Văn	Anh	9/5/2000	RHM.K10	16	8.06	77	Khá 2	5,000,000		Học bổng khuyến khích học tập
329	2018	1855010009	Đinh Thị Lan	Anh	2/6/2000	RHM.K10	16	8.03	79	Khá 2	5,000,000		Học bổng khuyến khích học tập
330	2017	1756010002	Nguyễn Thị Lan	Anh	23/08/1997	RHM.K9	15	8.93	88	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
331	2017	1756010082	Hoàng Thu	Trang	10/9/1999	RHM.K9	15	7.87	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
332	2017	1756010085	Phan Thị	Tuyền	11/6/1999	RHM.K9	15	7.71	88	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
333	2017	1756010029	Hoàng Thị	Hòa	9/5/1999	RHM.K9	15	7.7	88	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
334	2017	1756010043	Đặng Phương	Linh	22/03/1999	RHM.K9	15	7.63	94	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
335	2017	1756010080	Bùi Thị	Thủy	1/10/1999	RHM.K9	15	7.53	94	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
336	2017	1756010049	Mai Kim	Ngân	21/08/1999	RHM.K9	15	7.53	87	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
337	2017	1756010086	Bùi Thị Ánh	Vân	17/11/1999	RHM.K9	15	7.46	92	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
338	2017	1756010016	Mai Quỳnh	Duyên	22/09/1999	RHM.K9	15	7.44	84	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
339	2017	1756010048	Trần Trung	Nam	16/02/1999	RHM.K9	15	7.39	88	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
340	2017	1756010017	Nguyễn Văn	Đạt	11/4/1998	RHM.K9	15	7.39	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
341	2016	1656010029	HOÀNG THỊ THU	HUYỀN	20/07/1997	RHM.K8	16	8.39	90	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
342	2016	1656010059	NGUYỄN THỊ	THÚY	12/2/1997	RHM.K8	16	8.36	84	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
343	2016	1656010036	PHẠM THỊ	LOAN	19/10/1998	RHM.K8	16	8.36	82	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
344	2016	1656010051	TRẦN THÁI	PHỤNG	4/1/1997	RHM.K8	16	8.3	89	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
345	2016	1656010054	PHẠM NHƯ CHÂU	PHƯƠNG	19/01/1998	RHM.K8	16	8.26	95	Giỏi 1	5,500,000		Học bổng khuyến khích học tập
346	2020	2051150051	Nguyễn Diệp	Anh	22/08/2002	YHCTK6	18	7.56	86	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
347	2020	2051150054	Ngô Đình	Trúc	1/11/2002	YHCTK6	18	7.36	86	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
348	2020	2051150048	Đỗ Hồng	Nhung	1/1/2002	YHCTK6	18	7.21	84	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
349	2019	1951150062	TRẦN VĂN	TUYÊN	28/09/2001	YHCTK5	14	7.52	81	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
350	2019	1951150043	NGUYỄN THỊ	HIỀN	26/05/2001	YHCTK5	14	7.37	81	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
351	2019	1951150063	ĐẶNG ANH	DŨNG	4/1/2001	YHCTK5	14	7.31	81	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
352	2019	1951150061	TRỊNH ANH	QUYẾT	12/3/2001	YHCTK5	14	7.26	81	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
353	2019	1951150049	BÙI THỊ PHƯƠNG	HÀ	21/02/2001	YHCTK5	14	7.23	81	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
354	2019	1951150003	AN THỊ	DUYỀN	18/12/2001	YHCTK5	14	7.12	88	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
355	2019	1951150033	NGUYỄN HUY	NGỌC	9/8/2000	YHCTK5	14	7.05	81	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
356	2018	1851150029	Đào Thị Ngọc	Khánh	13/07/2000	YHCTK4	16	8.05	90	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
357	2018	1851150068	Nguyễn Công	Tuyển	16/11/2000	YHCTK4	16	7.91	81	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
358	2018	1851150060	Vì Thủy	Tiên	25/10/2000	YHCTK4	16	7.74	80	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
359	2018	1851150024	Nguyễn Thị	Hiền	27/07/2000	YHCTK4	16	7.52	87	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
360	2018	1851150021	Lê Thị	Hằng	13/10/2000	YHCTK4	16	7.51	81	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
361	2018	1851150067	Phạm Minh	Tú	27/05/2000	YHCTK4	16	7.5	81	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
362	2018	1851150015	Trần Thị	Duyên	15/11/2000	YHCTK4	16	7.49	79	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
363	2018	1851150020	Vũ Thị Thu	Hằng	28/03/2000	YHCTK4	16	7.48	81	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
364	2017	1752010053	Đoàn Thị	Thảo	26/09/1998	YHCTK3	17	8.35	90	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
365	2017	1752010003	Nguyễn Hoàng	Anh	17/07/1999	YHCTK3	17	8.11	98	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
366	2017	1752010039	Nguyễn Nhật	Long	30/12/1999	YHCTK3	17	7.91	86	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
367	2017	1752010022	Bùi Thị Minh	Hiền	17/03/1999	YHCTK3	17	7.86	88	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
368	2017	1752010017	Phạm Thị Minh	Hằng	1/12/1999	YHCTK3	17	7.81	86	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
369	2017	1752010041	Phạm Thanh	Mừng	17/06/1999	YHCTK3	17	7.76	88	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
370	2017	1752010064	Nguyễn Thị Kim	Trung	17/06/1998	YHCTK3	17	7.75	86	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
371	2017	1752010046	Hoàng Thị	Pha	10/7/1999	YHCTK3	17	7.74	94	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
372	2016	1652010055	TRẦN VĂN TUẤN	23/05/1998	YHCTK2	20	8.58	91	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
373	2016	1652010046	TRẦN THỊ MINH THU	15/11/1998	YHCTK2	20	8.21	93	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
374	2016	1652010023	NGUYỄN THỊ DIỆU HƯƠNG	28/07/1998	YHCTK2	20	8.2	95	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
375	2016	1652010022	TRỊNH THỊ HỒNG	19/07/1998	YHCTK2	20	8.12	79	Khá 2	5.000.000		Học bổng khuyến khích học tập
376	2016	1652010031	SÁI HOÀNG THU LINH	3/8/1998	YHCTK2	20	8.09	87	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
377	2016	1652010003	NGUYỄN KHÁNH THẾ ANH	28/10/1997	YHCTK2	20	8	79	Khá 2	5.000.000		Học bổng khuyến khích học tập
378	2020	2051100026	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	21/01/2002	YHDPK14	15	7.66	80	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
379	2020	2051100047	Phạm Minh Thảo	17/11/2001	YHDPK14	15	7.19	77	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
380	2020	2051100029	Dư Đào Khánh Linh	14/08/2002	YHDPK14	15	7.18	81	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
381	2020	2051100006	Phạm Phương Thảo	5/7/2002	YHDPK14	15	7.15	77	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
382	2020	2051100008	Vũ Văn Sơn	14/03/2001	YHDPK14	15	7.07	75	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
383	2020	2051100009	Vũ Văn Phúc	10/9/1987	YHDPK14	15	7.05	84	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
384	2018	1851100051	Vũ Thị Minh Trang	28/09/2000	YHDPK12	17	7.14	76	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
385	2018	1851100025	Nguyễn Thùy Linh	11/3/1999	YHDPK12	17	7.09	80	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
386	2018	1851100042	Nguyễn Huyền Thảo	27/02/2000	YHDPK12	17	7.09	80	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
387	2017	1751030046	Phạm Thị Mỹ	16/06/1999	YHDPK11	16	8.64	84	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
388	2017	1751030002	Tô Thị Kiều Anh	15/07/1999	YHDPK11	16	8.52	84	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
389	2017	1751030032	Đoàn Thị Liễu	20/02/1999	YHDPK11	16	8.51	84	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
390	2017	1751030060	Phạm Khánh Linh	18/11/1999	YHDPK11	16	8.39	84	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
391	2017	1751030045	Nguyễn Thị Trà My	13/05/1998	YHDPK11	16	8.33	84	Giỏi 1	5.500.000		Học bổng khuyến khích học tập
392	2020	2051010318	Nguyễn Thị Liên	26/06/2002	YDK.K42 D	17	7.73	72	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
393	2020	2051010357	Nguyễn Thị Thùy Dương	23/08/2002	YDK.K42 A	17	7.69	80	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
394	2020	2051010300	Nguyễn Thị Hồng	13/03/2002	YDK.K42 A	17	7.64	77	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
395	2020	2051010385	Lê Thị Phượng	10/4/2002	YDK.K42 A	17	7.59	81	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập
396	2020	2051010446	Đinh Thị Huyền	15/12/2002	YDK.K42 C	17	7.57	84	Khá 1	4.750.000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
397	2020	2051010207	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	14/09/2002	YDK.K42 B	17	7.57	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
398	2020	2051010359	Nguyễn Thị Huệ	Anh	16/03/2002	YDK.K42 B	17	7.54	83	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
399	2020	2051010057	Phùng Hương	Giang	24/06/2002	YDK.K42 A	17	7.53	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
400	2020	2051010193	Nguyễn Xuân	Hiếu	25/04/2002	YDK.K42 B	17	7.52	87	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
401	2020	2051010313	Nguyễn Thị	Oanh	15/11/2002	YDK.K42 D	17	7.51	72	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
402	2020	2051010165	Phùng Thị	Vân	13/03/2002	YDK.K42 A	17	7.49	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
403	2020	2051010147	Lê Thị Ánh	Minh	21/08/2002	YDK.K42 A	17	7.48	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
404	2020	2051010006	Đồng Thị	Huyền	2/2/2001	YDK.K42 H	17	7.46	88	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
405	2020	2051010244	Hoàng Thị Quỳnh	Thư	13/12/2002	YDK.K42 B	17	7.46	83	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
406	2020	2051010408	Nguyễn Văn	Vũ	16/05/2002	YDK.K42 A	17	7.45	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
407	2020	2051010333	Nguyễn Đức	Minh	7/12/1997	YDK.K42 H	17	7.44	88	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
408	2020	2051010304	Nguyễn Tuấn	Vũ	26/10/2002	YDK.K42 A	17	7.44	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
409	2020	2051010093	Nguyễn Thị	Phượng	27/06/2002	YDK.K42 E	17	7.42	83	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
410	2020	2051010130	Nguyễn Vũ Nguyên	Vinh	24/08/2002	YDK.K42 A	17	7.42	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
411	2020	2051010184	Trần Huy	Thành	11/12/2002	YDK.K42 A	17	7.42	77	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
412	2020	2051010211	Nguyễn Thị Anh	Đào	10/10/2002	YDK.K42 A	17	7.41	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
413	2020	2051010097	Mai Ngọc	Hà	12/8/2002	YDK.K42 C	17	7.39	83	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
414	2020	2051010060	Đỗ Thảo	Vân	22/10/2002	YDK.K42 C	17	7.39	72	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
415	2020	2051010448	Nguyễn Thanh	Tùng	9/6/2002	YDK.K42 A	17	7.38	76	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
416	2020	2051010084	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	13/09/2002	YDK.K42 E	17	7.36	83	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
417	2020	2051010110	Trần Hoàng	Phượng	21/05/2002	YDK.K42 A	17	7.36	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
418	2020	2051010321	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/03/2002	YDK.K42 F	17	7.36	75	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
419	2020	2051010182	Vũ Khánh	Linh	25/10/2002	YDK.K42 D	17	7.34	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
420	2020	2051010209	Bùi Thị	Thương	23/10/2002	YDK.K42 G	17	7.34	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
421	2020	2051010076	Phạm Hồ Quỳnh	Anh	27/02/2002	YDK.K42 H	17	7.32	89	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
422	2020	2051010128	Hoàng Ngọc	Lâm	2/8/2002	YDK.K42 F	17	7.3	85	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
423	2020	2051010055	Lê Xuân	Tiến	7/4/2002	YDK.K42 A	17	7.28	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
424	2020	2051010023	Nguyễn Thị	Phương	20/10/2002	YDK.K42 A	17	7.28	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
425	2020	2051010104	Nguyễn Văn	Trọng	29/12/2002	YDK.K42 A	17	7.27	87	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
426	2020	2051010271	Nguyễn Lê Thị Lan	Anh	11/5/2002	YDK.K42 C	17	7.26	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
427	2020	2051010492	Nguyễn Thị	Thùy	25/12/2001	YDK.K42 F	17	7.24	94	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
428	2020	2051010096	Đinh Thị Anh	Thư	25/04/2002	YDK.K42 B	17	7.24	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
429	2020	2051010281	Lê Ngọc	Ánh	29/12/2002	YDK.K42 D	17	7.22	79	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
430	2020	2051010265	Lê Trần	Dương	13/11/2002	YDK.K42 B	17	7.19	83	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
431	2020	2051010111	Nguyễn Thị	Tuyết	7/12/2002	YDK.K42 B	17	7.18	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
432	2020	2051010234	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	21/10/2002	YDK.K42 C	17	7.18	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
433	2020	2051010155	Đỗ Văn	Cường	19/04/2002	YDK.K42 H	17	7.16	95	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
434	2020	2051010306	Nguyễn Hiền	Khánh	1/9/2002	YDK.K42 A	17	7.16	90	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
435	2020	2051010412	Trần Hoàng	Minh	21/02/2002	YDK.K42 A	17	7.16	86	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
436	2020	2051010073	Tô Thị Lan	Anh	21/07/2002	YDK.K42 E	17	7.16	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
437	2020	2051010489	Đỗ Thị Hương	Giang	3/7/2002	YDK.K42 A	17	7.16	81	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
438	2020	2051010236	Nguyễn Thị Thu	Hoài	13/06/2002	YDK.K42 F	17	7.15	86	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
439	2020	2051010159	Trần Thị	Mai	14/10/2002	YDK.K42 C	17	7.15	83	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
440	2020	1951010155	Phạm Châu	Giang	03/02/2001	YDK.K42 D	17	7.13	80	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
441	2020	2051010475	Lê Vinh	Tùng	24/11/2002	YDK.K42 H	17	7.13	95	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
442	2020	2051010409	Vũ Mai	Ngọc	17/10/2002	YDK.K42 A	17	7.13	90	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
443	2020	2051010377	Dặng Quang	Duy	27/10/2002	YDK.K42 D	17	7.12	86	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
444	2020	2051010437	Nguyễn Thanh	Trà	14/04/2002	YDK.K42 G	17	7.12	82	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
445	2020	2051010353	Nguyễn Ngọc	Linh	8/1/2002	YDK.K42 D	17	7.11	85	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập
446	2020	2051010213	Lê Thị	Phượng	30/12/2002	YDK.K42 A	17	7.11	84	Khá 1	4,750,000		Học bổng khuyến khích học tập

STT	Khóa học	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Số TC xét HB	Điểm TB hệ 10	Điểm hạnh kiểm	Xếp loại HB	Mức học bổng	Ký nhận	Ghi chú
447	2020	2051010435	Ngô Minh Quân	20/12/2002	YDK.K42 E	17	7.1	89	Khá 1	4.750,000		Học bổng khuyến khích học tập
448	2020	2051010218	Nguyễn Thị Kim Cúc	27/09/2001	YDK.K42 G	17	7.1	80	Khá 1	4.750,000		Học bổng khuyến khích học tập
449	2020	2051010146	Trần Bích Ngọc	12/9/2002	YDK.K42 F	17	7.1	76	Khá 1	4.750,000		Học bổng khuyến khích học tập

2.289.250,000

Tổng số suất HB: 449
 Xuất sắc 0
 Giỏi 1 205
 Giỏi 2 0
 Giỏi 3 0
 Khá 1 233
 Khá 2 11

NGƯỜI LẬP

Nguyễn T. Nguyễn Phương

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

TS. Nguyễn Hải Ninh

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
 TS. Nguyễn Hải Ninh

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương

TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
 ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai